

THÔNG TƯ

**Quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật
thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường**

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định các biện pháp quản lý Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; hợp nhất, pháp điển và dịch văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa; thể thức, ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, liên tịch ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Thông tư này bao gồm:

- a) Luật, nghị quyết của Quốc hội;
- b) Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- c) Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội với Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- d) Nghị định của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- đ) Thông tư của Bộ trưởng; thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

3. Việc soạn thảo, ban hành thông tư về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật và quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thể thức, ngôn ngữ và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật

1. Thể thức, ngôn ngữ và kỹ thuật trình bày văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 8 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị quyết số 1139/2007/UBTVQH11 ngày 03 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế về kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) và các mẫu kèm theo, cụ thể:

- a) Mẫu số 01. Văn bản lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;
- b) Mẫu số 02. Tờ trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;
- c) Mẫu số 03. Báo cáo đánh giá tác động chính sách;
- d) Mẫu số 04. Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật;
- đ) Mẫu số 05. Đề cương dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;

- e) Mẫu số 06. Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với lập đề nghị dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;
- g) Mẫu số 07. Danh mục văn bản quy định chi tiết;
- h) Mẫu số 08. Quyết định thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập, Tổ soạn thảo;
- i) Mẫu số 09. Tờ trình dự án, dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định, quyết định;
- k) Mẫu số 10. Tờ trình ban hành thông tư;
- l) Mẫu số 11. Công văn đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định;
- m) Mẫu số 12. Công văn đề nghị Vụ Pháp chế thẩm định;
- n) Mẫu số 13: Cung cấp thông tin xây dựng Thông cáo báo chí;
- p) Mẫu số 14. Công văn thẩm định của Vụ Pháp chế;
- q) Mẫu số 15. Quyết định đính chính văn bản quy phạm pháp luật là thông tư.

2. Kỹ thuật viện dẫn văn bản có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Điều 4. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật

1. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật phải được xác định rõ ngay tại văn bản nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày ký văn bản.
2. Đối với văn bản quy phạm pháp luật là quy chuẩn kỹ thuật thì thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trừ trường hợp cấp thiết liên quan đến sức khỏe, an toàn, môi trường thì hiệu lực thi hành quy chuẩn kỹ thuật có thể sớm hơn nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.
3. Đối với những văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến thỏa thuận và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội Việt Nam là thành viên thì hiệu lực sẽ áp dụng theo điều ước và thỏa thuận quốc tế đó.

Điều 5. Tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước

Việc soạn thảo, lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra, gửi và ban hành văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 6. Kinh phí xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Kinh phí xây dựng, soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; hợp nhất, pháp điển, dịch văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa; đánh giá tác động chính sách từ các nguồn:

a) Nguồn ngân sách nhà nước;

b) Nguồn viện trợ và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Vụ Pháp chế là đầu mối tổng hợp kinh phí cho hoạt động soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; hợp nhất, pháp điển, dịch văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Bộ, gửi Vụ Tài chính lập phương án phân bổ và trình Lãnh đạo Bộ quyết định giao dự toán kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị để thực hiện.

Điều 7. Kiểm soát thủ tục hành chính trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính, các đơn vị lập dự kiến có trách nhiệm thực hiện bổ sung các hoạt động sau để làm cơ sở cho việc đề nghị xây dựng văn bản có quy định thủ tục hành chính:

a) Đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới: nghiên cứu rõ số lượng, hình thức và dự kiến quy định về thủ tục hành chính, dự kiến số lượng đối tượng bị tác động bởi thủ tục hành chính được quy định trong văn bản;

b) Đối với đề nghị văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản hiện hành: đánh giá hiệu quả thực tiễn, sự phù hợp trong việc thực hiện thủ tục hành chính hiện có trong các văn bản quy phạm pháp luật được đề nghị sửa đổi, bổ sung với các mục tiêu, bối cảnh quản lý nhà nước tại thời điểm ban hành văn bản và thời điểm sửa đổi, bổ sung.

2. Khi lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính, các đơn vị có trách nhiệm bổ sung trong đề cương về đề nghị xây dựng văn bản, nội dung nêu rõ căn cứ thực tiễn, sự cần thiết, dự kiến số lượng, hình thức, phương thức thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp văn bản được đề nghị xây dựng là văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản hiện hành thì chỉ thuyết minh cho những nội dung có sửa đổi, bổ sung về thủ tục hành chính.

3. Trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Đánh giá tác động của thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính;

b) Lấy ý kiến cơ quan, đơn vị kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định sau:

Lấy ý kiến Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Bộ Tư pháp trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Lấy ý kiến Vụ Pháp chế đối với các thủ tục hành chính tại các dự thảo thông tư, thông tư liên tịch.

4. Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với đơn vị được giao chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến riêng đối với nội dung có quy định thủ tục hành chính với các hình thức phù hợp (tham vấn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, bằng văn bản,...) trong các trường hợp sau:

a) Nội dung văn bản còn nhiều ý kiến khác nhau về sự cần thiết, hình thức của thủ tục hành chính, cách thức thực hiện quy định có liên quan đến mối quan hệ giữa trung ương và địa phương hoặc nhiều bộ, ngành;

b) Nội dung thủ tục hành chính có chi phí tuân thủ lớn nhưng xét thấy chưa được đánh giá một cách đầy đủ.

5. Trong quá trình lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định, đơn vị đề nghị xây dựng văn bản có đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh có trách nhiệm báo cáo Lãnh đạo Bộ ký văn bản lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung sau:

a) Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh dự kiến sửa đổi, bổ sung;

b) Phân tích sự cần thiết, mục đích của việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh phù hợp với quy định tại các khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 7 Luật đầu tư;

c) Căn cứ sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh và đối tượng phải tuân thủ;

d) Đánh giá tính hợp lý, khả thi, sự phù hợp với điều ước quốc tế về đầu tư của việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh;

đ) Đánh giá tác động của việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh đối với công tác quản lý nhà nước và hoạt động đầu tư kinh doanh của các đối tượng phải tuân thủ.

6. Trường hợp báo cáo đánh giá tác động chính sách đã bao gồm đánh giá thủ tục hành chính thì không xây dựng báo cáo đánh giá thủ tục hành chính riêng.

Điều 8. Hợp tác quốc tế về pháp luật

1. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế:

a) Thẩm định về pháp lý đối với các chương trình, dự án hợp tác quốc tế có toàn bộ hoặc một phần nội dung về xây dựng pháp luật;